

Bản án số: **10/2021/DS-ST**  
Ngày 24/6/2021  
*V/v Tranh chấp quyền sở hữu tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP, TỈNH NGHỆ AN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Thu Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phan Thị Tâm

Bà Hoàng Thị Đào

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Văn Vận - Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2020/TLST–DS ngày 04 tháng 12 năm 2020 về việc *tranh chấp quyền sở hữu tài sản* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST – DS ngày 14 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Lo Văn H.** Sinh năm 1988

Nơi cư trú: Bản M, xã B, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

(Có mặt)

Bị đơn: Ông **Vi Văn H.** Sinh năm 1963

Nơi cư trú: Xóm V, xã B, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

(Có mặt)

Những người làm chứng:

+ Ông Lô Văn Kh, sinh năm 1960

Nơi cư trú: Bản M, xã B, huyện Q, tỉnh Nghệ An. (Có mặt)

+ Anh Lo Văn H, sinh năm 1970

Nơi cư trú: Bản M, xã B, huyện Q, tỉnh Nghệ An. (Có mặt)

+ Anh Lô Văn Th, sinh năm 1986

Nơi cư trú: Bản M, xã B, huyện Q, tỉnh Nghệ An. (Có mặt)

+ Ông Vi Văn Nh, sinh năm 1954

Nơi cư trú: Xóm V, xã B, huyện Q, tỉnh Nghệ An. (Có mặt)

+ Anh Vi Văn H, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Bản C, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt)

+ Bà Vy Thị Đ, sinh năm 1964

Nơi cư trú: Xóm Vạn Ng, xã B, huyện Q, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt)

+ Anh Mạc Văn Ng, Sinh năm 1979

Nơi cư trú: Bản Kh, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt)

+ Ông Vi Văn B. Sinh năm 1979

Nơi cư trú: Xóm V, xã B, huyện Q, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, các biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lo Văn H trình bày: Cuối năm 2008 anh được bố để là ông Lô Văn Kh giao quyền sở hữu, quản lý đàn bò của gia đình. Bò tự sinh sản trong đàn và được anh chăn thả trong Thung Manh thuộc bản Mánh, xã Bắc Sơn, huyện Quỳnh Hợp. Từ đầu năm 2020 đàn bò của gia đình được anh chăn thả trong Thung Manh gồm có 23 con, thường thì bò tự về nhà, nếu không về thì vài ba ngày anh lại vào thăm và lùa về nhà cho ăn muối, sau đó lại thả ra thung. Vào đầu tháng 4/2020 anh phát hiện bị mất 01 con bò đực sặc lông đen (do con bò mẹ của gia đình anh đẻ ra vào tháng 2/2019) nên nhờ anh em họ hàng đi tìm và báo cáo với ban cán sự bản Mánh, xã Bắc Sơn về việc mất bò. Anh tìm bò ở khu vực Thung Manh, Thung Ngụoc nhưng không thấy bò, cho đến ngày 09/10/2020 thì anh được ông Vi Văn Nh thông báo là con bò đực sặc lông đen đang bị ông Vi Văn H cột giấu trong vườn keo tại lán trại của ông H. Anh đến lán trại ông H thì nhận ra đây là bò của mình, lúc này bò bị cắt tai, mũi buộc dây. Anh xin ông H được đưa bò về nhưng ông H không đồng ý, anh đã nhờ chính quyền xã Bắc Sơn giải quyết nhưng chính quyền xã lại giao con bò đó cho ông H chăn giữ, quản lý. Bò đực tranh chấp có đặc điểm: Lông màu đen toàn thân, có lông pha vàng trên đỉnh đầu, đỉnh lưng, nách trước; Sừng cộc; có 01 xoáy trên lưng, 01 xoáy ở trước trán; có 8 răng sữa, nay đã thay 02 răng; Có 02 chấm nhỏ không có lông ở phần sống lưng, cách đuôi bò khoảng 20 – 30 cm (là do bò bị ghe rụng lông, quá trình xem xét thẩm định thì lông đã mọc trở lại). Ngoài ra bò hay đi theo cái nên anh đánh dấu bằng cách dùng dao cạo ở góc sừng bên phải (quá trình xem xét thẩm định thì không còn dấu vết này). Về nguồn gốc Bò tranh chấp: Bò do bò mẹ của gia đình anh đẻ ra vào tháng 2/2019. Con bò tranh chấp có

04 anh chị em, cụ thể: Con bò đực anh đầu tiên (để vào năm 2017, đã bán cho bản Mánh, xã Bắc Sơn làm thịt ăn vào ngày đại đoàn kết 15/11/2020; con bò chị thứ 2 (để vào năm 2018 và Tòa án đã xem xét thẩm định); con bò đực tranh chấp thứ 3 (để vào tháng 2/2019); con bò cái em thứ tư (để vào tháng 2/2019 và Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định). Riêng con bò mẹ bị mắc vào dây thép gai chết vào cuối tháng 4/2020 thì anh đã bán cho anh Vi Văn H làm thịt.

Xác định con bò đực sắc lông đen mà ông H đang chăn giữ là bò thuộc sở hữu của mình nên anh H làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết để anh được quyền sở hữu con bò đực sắc lông đen nêu trên.

Tại bản tự khai, các biên bản ghi lời khai, bị đơn ông Vi Văn H trình bày: Gia đình ông có 22 con bò được ông chăn thả trong Thung Nguộc thuộc xóm Vạn nguộc, xã Bắc Sơn. 2 – 3 ngày gia đình ông mới vào kiểm tra một lần và cho ăn muối. Mỗi dịp thu hoạch mùa màng hay tiêm thuốc thì mới lừa bò về nhà (khoảng 2 – 3 tháng mới lừa về một lần), sau đó lại thả lại trong thung. Khoảng 10 – 15 ngày trước khi anh Huyền vào lán trại của ông đòi nhận con bò đực sắc lông đen (con bò đang tranh chấp) thì ông đã nhờ bà Vy Thị Đ đưa con bò tranh chấp về lán để ông tiêm thuốc chữa đau bụng cho nó. Tại phiên tòa, ông H trình bày do nhớ nhầm nên ông khai sai, thực tế trước đó bà Đ có lừa cả đàn bò về nhà cho ông còn con bò tranh chấp thì bà Đ không lừa về cho ông tiêm thuốc mà do gia đình ông tự lừa về. Con bò đực tranh chấp có đặc điểm: Lông màu đen, xung quanh phần sừng và phần sống lưng có lông màu vàng; 01 xoáy trên lưng, 01 xoáy ở trước trán, xoáy ở 2 tai, 1 xoáy dưới bụng phải; mép miệng trắng; có 8 răng sữa, nay đã thay 02 răng (tại phiên tòa ông Hoạt trình bày không nhớ con bò có mấy xoáy). Ngoài ra ông đánh dấu bò bằng cách dùng dao rạch ở tai phải. Về nguồn gốc con bò tranh chấp: Vào cuối năm 1999 - đầu năm 2000 (tại phiên tòa ông H khai vào tháng 01/2010) ông mua với anh Mạc Văn Ng ở xã Nam Sơn, huyện Quỳnh Hợp 01 cặp mẹ con bò và 01 con bò mẹ (là con bò mẹ đẻ ra con bò mẹ của con bò tranh chấp). Con bò mẹ đẻ ra con bò tranh chấp ở Thung Nguộc vào tháng 2/2018 (khi đẻ được khoảng 1 tháng thì ông được bà Vy Thị Đ thông báo cho biết đã thấy con bò con đi theo mẹ, màu lông lại khác). Sau đó ông cũng không đưa bò về mà tiếp tục để bò trong thung.

Lời khai ngày 17/12/2020 ông Vi Văn H trình bày: Các con bò có quan hệ huyết thống với con bò tranh chấp (là các con bò anh chị em với con bò tranh chấp, do con bò mẹ của gia đình đẻ ra) gồm 04 con. Cụ thể: Con bò đực anh đầu tiên ông đã bán, con bò đực anh thứ hai (ông đang chăn giữ), con bò đực đang tranh chấp thứ ba, con bò đực em thứ tư (ông đang chăn giữ).

Lời khai ngày 22/02/2021 ông H trình bày: Các con bò có quan hệ huyết thống với con bò tranh chấp (là các con bò anh chị em với con bò tranh chấp, do con bò mẹ của gia đình đẻ ra) gồm 05 con. Cụ thể: Con bò đực anh đầu tiên (được đẻ vào thời gian nào ông cũng không nhớ), con bò đực anh thứ hai, con bò chị thứ ba (2 con bò này đã chết trong thung ngược, chúng được đẻ vào thời gian nào ông cũng không nhớ), con bò đực thứ tư là con tranh chấp đẻ vào năm 2018, con bò đực em thứ năm đẻ vào năm 2019 (ông đang chăn giữ).

Lời khai ngày 09/4/2021 ông H trình bày: Ông không nhớ chính xác có mấy con bò có quan hệ huyết thống với con bò tranh chấp, bởi vì con bò mẹ được ông thả trong Thung Ngược, vài ngày ông mới đi thăm một lần nên ông không quản lý được, bò có đẻ thì đi theo mẹ thì ông mới biết là bò đã đẻ (khi con bò mẹ đẻ con bò tranh chấp được 1 tháng thì bà Vy Thị Đ mới báo cho ông biết). Các con bò là anh chị em của con bò tranh chấp có thể khi đẻ ra yếu nên chết, hoặc sau này ông bán đi. Tuy nhiên ông khẳng định con bò đực được Tòa án xem xét thẩm định ngày 02/02/2021 là con bò anh thứ 2 (con bò được đẻ đầu tiên là con bò chị).

Tại phiên tòa ông H trình bày: Các con bò có quan hệ huyết thống với con bò tranh chấp (là các con bò anh chị em của con bò tranh chấp, do con bò mẹ đẻ ra) gồm 06 con. Cụ thể: Con bò đực anh đầu tiên (ông không nhớ được đẻ năm nào nhưng cách con bò tranh chấp khoảng 5- 6 năm, là con bò Tòa án đã xem xét thẩm định ngày 02/02/2021), con bò cái chị thứ hai đẻ vào năm 2016, con bò đực anh thứ ba đẻ vào năm 2017 (2 con bò này đã chết trong thung), con bò đực tranh chấp thứ tư đẻ vào tháng 2/2018, con bò đực em thứ năm đẻ vào tháng 02/2019 đang thả trong thung, con bò đực thứ sáu đẻ vào năm 2020 đã chết trong thung.

Tại thời điểm anh H khởi kiện thì ông đang chăn thả cả đàn bò 22 con bò của gia đình ở thung ngược (bao gồm các con bò có quan hệ huyết thống với con bò tranh chấp là con bò mẹ, con bò anh và con bò em của con bò tranh chấp). Mặc dù đã được Tòa án thông báo ngày 21/01/2021 Tòa án tiến hành lấy mẫu giám định con bò mẹ với con bò tranh chấp, tuy nhiên vì bò thả trong thung khó đưa về nên ông không đưa được con bò mẹ về để Tòa án lấy mẫu giám định. Quá trình Tòa án xem xét thẩm định ngày 02/02/2021, ông cũng chỉ đưa về được con bò anh mà không đưa được con bò mẹ và con bò em của con bò tranh chấp về. Riêng con bò mẹ đẻ ra con bò tranh chấp được thả trong thung thì đến ngày 05/3/2021 đã bị chết. Ngày 08/6/2021 Tòa án tiến hành xem xét thẩm định nhưng con bò đực anh ông lại thả lại vào Thung Ngược, do hôm trước trời mưa nên ông không lừa bò về được để Tòa án xem xét thẩm định. Nay ông cũng không yêu cầu xem xét thẩm định thêm con bò nào nữa.

Anh H yêu cầu ông trả lại con bò đực tranh chấp, ông không nhất trí bởi vì đây là bò của ông, bò của anh H bị mất đã trở về, đó chính là con bò anh họ Tòa án đã xem xét thẩm định ngày 08/6/2021 nên ông không đồng ý trả lại bò cho anh H. Tuy nhiên ông cũng không muốn kéo dài việc kiện tụng và muốn giữ mối quan hệ hàng xóm nên ông yêu cầu được giao sở hữu con bò, ông sẽ trả cho H 5 triệu đồng. Hoặc ông sẽ giao bò cho anh H sở hữu thì anh Huyền phải trả cho ông 5 triệu đồng.

Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp đã điều tra tại ông Lô Văn Kh, Lô Văn D, Lo Văn H, Vi Văn Nh, Lô Văn Th, Vi Văn H, Mạc Văn Ng, Vy Thị Đ để xác minh con bò đang tranh chấp giữa anh H và ông H. Tiến hành lấy mẫu giám định vào ngày 21/01/2021 (không thành) và tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đàn bò của anh H và đàn bò của ông H vào ngày 02/02/2021. Tại phiên tòa ngày 27/5/2021 anh Huyền yêu cầu Tòa án xem xét, thẩm định thêm các con bò có quan hệ huyết thống với con bò tranh chấp gồm có con bò mẹ là con bò chị của con bò mẹ đẻ ra con tranh chấp (con bò bác của con bò tranh chấp) và con bò đực là con của con bò mẹ (con bò anh họ của con bò tranh chấp). Để đảm bảo giải quyết vụ án khách quan, chính xác, ngày 08/6/2021 Hội đồng xem xét, thẩm định tại chỗ đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ các con bò có quan hệ huyết thống với con bò tranh chấp nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng về quyền, nghĩa vụ quy định tại Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 91, điều 147, điều 157, điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 163, 164, 166, 579, 580 Bộ luật dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lo Văn H. Buộc ông Vi Văn H phải trả lại cho anh Lo Văn H 01 con bò đực có đặc điểm: Thân thon vừa, hơi gầy. Mông hơi lép, hẹp, ngắn. Mũi đã bị đứt. Lông đen sẫm pha vàng, thưa, ngắn, mượt. Trên đỉnh đầu phân giữa hai tai có dải lông màu vàng sẫm dài khoảng 21cm và giữa sống lưng có dải lông màu vàng sẫm dài khoảng 35cm. Hai nách trước lông màu vàng sẫm. Có 07 xoáy gồm: 01 xoáy ở giữa trán, cách điểm giữa đỉnh đầu khoảng 05cm, cách đều mi mắt hai bên khoảng 09cm, cách đều hai bên góc sừng khoảng 08cm; 02 xoáy tai đối xứng nhau (mỗi xoáy trên góc tai phía trên). Mỗi

xoáy cách đều điểm giữa đỉnh đầu khoảng 06cm; 01 xoáy giữa sống lưng, cách đều hai bả vai chân trước khoảng 19 cm; 02 xoáy bụng phía trái - phải đối xứng nhau, mỗi xoáy cách đều rốn khoảng 12cm; 01 xoáy chính giữa ót, cách đều góc tai hai bên khoảng 09cm. Hai sừng đều nhau, to, dài khoảng 05 cm, hơi chéch về phía sau. Chiều cao phía trước tính từ chân đến đỉnh u khoảng 103 cm. Chiều cao phía sau tính từ chân đến đỉnh gốc đuôi khoảng 106cm. Chiều dài tính từ đỉnh đầu đến gốc đuôi khoảng 130 cm. Đuôi: Dài khoảng 80cm, có nhiều lông đuôi, lông chùm, màu đen, dài khoảng 25 cm. Hai tai bằng nhau, dài khoảng 18 cm (tai phải có 01 vết cắt sâu 02 cm, rộng 01cm. Vết cắt đã lành). Bò đã thay 02 răng cửa sữa đều nhau; trị giá bò là 12.000.000,đ (mười hai triệu đồng).

Đối với chi phí thẩm định và định giá tài sản: Buộc ông Vi Văn H phải trả lại cho anh Lo Văn H  $\frac{1}{2}$  số tiền chi phí xem xét thẩm định. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Vi Văn H phải chịu án phí DSST là 5% giá trị tài sản tranh chấp; Trả lại tiền tạm ứng án phí cho anh Lo Văn H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lo Văn H khởi kiện yêu cầu được sở hữu con bò đực hiện nay ông Vi Văn H đang chăn giữ, do đó quan hệ pháp luật được xác định trong vụ án là “Tranh chấp về quyền sở hữu tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Vi Văn H có hộ khẩu thường trú tại xóm V, xã B, huyện Q, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về pháp luật áp dụng: Anh Lo Văn H bị mất con bò đực tranh chấp vào đầu tháng 4/2020, ngày 24/11/2020 anh Lo Văn H làm đơn khởi kiện tại Tòa án. Do đó về căn cứ áp dụng pháp luật cần áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung vụ án: Trên cơ sở lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ, đã có đủ cơ sở xác định: Đầu tháng 4/2020 anh Lo Văn H bị mất 01 con bò đực sặc lông đen. Đến ngày 09/10/2020 phát hiện con bò đực sặc lông đen đang bị ông Vi Văn H cột giữ tại lán trại của ông H nên anh H đã yêu cầu ông H giao trả lại bò, tuy nhiên ông H không đồng ý. UBND xã Bắc Sơn, huyện Quỳnh Hợp đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Sau đó UBND xã Bắc

Sơn, huyện Quỳnh Hợp giao ông H chặn giữ, quản lý con bò tranh chấp trong thời gian các đương sự khởi kiện tại Tòa án.

Đối với ông Vi Văn H, quá trình giải quyết vụ kiện, ông H cho biết hiện tại đang chặn giữ các con bò có quan hệ huyết thống với con bò tranh chấp gồm con bò mẹ và các con bò anh chị em của con bò tranh chấp. Do đó Tòa án thông báo cho ông H đưa con bò mẹ về tại nhà để Tòa án tiến hành lấy mẫu giám định vào ngày 21/01/2021, tuy nhiên ông H không đưa con bò mẹ về được vì “bò chặn thả trong thung ngược, ông đi tìm không thấy”, Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành lấy mẫu giám định được và giao trách nhiệm cho ông H đưa con bò mẹ về trong thời gian 07 ngày nhưng ông H vẫn không đưa con bò mẹ về được. Ngày 02/02/2021 Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đàn bò của anh H và đàn bò của ông H tại Hội trường bản Mảnh, xã Bắc Sơn. Anh H đưa ra được 02 con bò có quan hệ huyết thống với con bò tranh chấp để Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ, ông H thì chỉ đưa ra được con bò tranh chấp. Sau khi xem xét thẩm định xong con bò tranh chấp và các con bò của anh H thì ông H yêu cầu Tòa án về tại nhà ông H để xem xét thẩm định con bò anh của con bò tranh chấp bởi vì theo ông H thì “con bò đực anh đang cột giữ tại nhà không đưa ra được”. Riêng con bò mẹ và con bò em thì ông H thả trong thung Ngược, “dù đã cố gắng nhưng ông vẫn không đưa bò về được”, do đó Tòa án không xem xét thẩm định được.

Những người chặn thả bò ở Thung Manh, Thung Ngược đều khẳng định bò thường ăn theo đàn và việc lừa đàn bò về nhà là không khó (thể hiện là ông H cũng đã đưa được con bò anh của con bò tranh chấp thả trong thung ngược về để Tòa án xem xét thẩm định). Điều này cho thấy ông H không hợp tác, cố tình gian dối để kéo dài và gây khó khăn cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ kiện.

Các lời trình bày khác của ông H về những con bò có quan hệ huyết thống với con bò tranh chấp có nhiều mâu thuẫn. Lời khai ông H tại quá trình điều tra và tại phiên tòa cũng không thống nhất.

Theo kết quả điều tra tại anh Mạc Văn Ng (người bán bò cho ông H) thì: Anh Ng đã bán cho ông H 02 con bò mẹ và 01 con bò con vào cuối năm 2009, chứ không phải vào cuối năm 1999 - đầu năm 2000 như ông H trình bày. Anh Ng không biết con bò mẹ đã bán cho ông H có quan hệ huyết thống với con bò đang tranh chấp hay không, anh Ng không biết quá trình sinh trưởng sau này của những con bò đã bán cho ông H ra sao.

Theo kết quả điều tra tại bà Vy Thị Đ (người chặn thả bò cùng với ông H) thì: Từ tháng 7/2020 đến cuối năm 2020 bà Đ không được lừa đàn bò của ông H về lần nào và cũng không được lừa con bò nào sắc lông đen về cho ông H tiêm thuốc.

Bà không được thông báo cho ông H về con bò tranh chấp được để ở thung nguộc. Bà cũng không biết ông H có con bò nào có sắc lông đen hay không.

Theo kết quả điều tra tại ông Vi Văn Nh (người chăn thả bò cùng với ông H) thì: Ông H đã cột con bò tranh chấp ở lán trại của ông H là bất minh. Ông khẳng định ông H không có con bò nào có sắc lông đen.

Theo kết quả điều tra tại ông Vi Văn B (xóm trưởng xóm Vạn Nguộc) thì: Quá trình hòa giải tại xóm, ông H đã đồng ý chia đôi bò (tức là làm thịt chia đôi hoặc ông H lấy bò thì trả tiền chênh lệch cho H) tuy nhiên anh H không đồng ý. Sáng ngày 05/3/2021 ông H có thông báo cho ông biết có con bò mạ bị chết ở thung, tuy nhiên ông H không nói đây là con bò mạ để ra con bò tranh chấp bị chết nên ông cũng không lập biên bản gì. Ông không biết con bò mạ bị chết có phải là con bò mạ để ra con bò tranh chấp hay không.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ con bò tranh chấp và con bò đực (theo ông H khai là con bò anh của con bò tranh chấp) thì: Tuổi con bò anh và tuổi con bò tranh chấp không phù hợp mà khác nhiều so với lời khai của ông H. Những đặc điểm của con bò đang tranh chấp (về giống bò, hình dáng, xoáy...) khác với các đặc điểm của con bò ông H.

Ngoài ra quá trình điều tra, mặc dù ông H khẳng định con bò tranh chấp là của mình, tuy nhiên ông H vẫn đồng ý giao bò cho anh H và anh H phải trả cho ông H 5.000.000,đ, hoặc nếu không thì ông H lấy bò và ông H trả lại cho anh H 6.000.000,đ.

Đối với anh Lo Văn H, các lời khai của anh H trong quá trình điều tra và tại phiên tòa là thống nhất và phù hợp về nguồn gốc, đặc điểm cũng như quá trình sinh trưởng của con bò tranh chấp và đàn bò của anh H.

Quá trình điều tra xác định được: Việc anh H bị mất 01 con bò đực sắc lông đen là đúng thực tế. Kết quả xem xét kiểm tra địa bàn chăn thả bò cho thấy, thung manh và thung nguộc có đường đất thông nhau, tương đối bằng phẳng, các phương tiện giao thông qua lại dễ dàng. Đàn bò ở thung manh và thung nguộc có thể qua lại từ thung này sang thung khác, điều này cũng được anh H, ông H và các hộ dân chăn thả bò ở hai thung thừa nhận. Do đó việc bò anh H được chăn thả ở thung manh có thể đi sang được thung nguộc, là nơi ông H chăn thả bò.

Theo kết quả điều tra tại ông Lô Văn Kh (bố đẻ anh H), anh Lô Văn D (em trai anh H) thì: Ông Kh, anh D khẳng định anh H có con bò đực sắc lông đen bị mất vào đầu tháng 4/2020.

Theo kết quả điều tra tại anh Lo Văn H (người chăn thả bò cùng anh H) thì: Anh H có 02 con bò đực sắc lông đen đi ăn cùng với đàn bò của anh H. Anh H đã



nhắc anh H tìm 01 con bò đực sặc lông đen sau khi không thấy con bò này đi ăn cùng với đàn bò của anh. Anh H khẳng định con bò đực tranh chấp là con bò đực của anh H bị mất, còn con bò đực sặc lông đen còn lại thì vẫn đi ăn cùng đàn bò của anh H. Đầu tháng 6/2021 anh H đã đưa con bò này về nhà để Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ.

Theo kết quả điều tra tại ông Vi Văn Nh: Khi ông Nh nghe con trai nói lại việc anh H bị mất con bò đực có sặc lông đen nên đã thông báo cho anh H đến nhận bò tại lán trại của ông H. Ông Nh khẳng định ông H không có con bò nào có sặc lông đen.

Theo kết quả điều tra tại ông Lô Văn Th (xóm trưởng xóm bản Mánh) thì: Đầu tháng 4/2020 anh H có báo cáo với ông về việc bị mất 01 con bò đực sặc lông đen, anh H nhờ ông “kiểm tra xem có ai làm giấy bán bò không”. Vào ngày 15/11/2020 anh H có bán 01 con bò đực sặc lông đen, sừng ngắn, đã thay 04 răng cho bản Mánh làm thịt ăn (Theo anh H trình bày là con bò anh của con bò tranh chấp).

Theo kết quả điều tra tại anh Vi Văn Hoài: Cuối tháng 4/2020 anh có mua với anh H 01 con bò mẹ bị ngoắc vào dây thép gai chết tại thung manh. Con bò mẹ có lông màu nâu đen, khoảng từ 06 đến 07 tuổi (Theo anh Huyền trình bày là con bò mẹ đẻ ra con bò tranh chấp).

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ đàn bò của anh H, theo anh H trình bày có quan hệ huyết thống với con bò đang tranh chấp, bao gồm: Con bò chị, con bò em ruột của con bò tranh chấp; Con bò mẹ - bác của con bò tranh chấp (là con bò mẹ chị của con bò mẹ đẻ ra con bò tranh chấp) và con bò đực - anh họ của con bò tranh chấp (con của con bò mẹ) thấy: Tuổi con bò đang tranh chấp và tuổi của đàn bò anh Huyền thông qua xem rằng là hoàn toàn phù hợp. Những đặc điểm của con bò đang tranh chấp (về giống, hình dáng, màu lông, xoáy...) giống với các đặc điểm của đàn bò anh Huyền.

Từ những căn cứ nêu trên, khẳng định việc anh H khởi kiện yêu cầu được sở hữu con bò đực tranh chấp mà ông H đang chặn giữ là có căn cứ. Cần buộc ông H phải giao trả cho anh H con bò đang tranh chấp nêu trên.

[4] Về nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Anh Lo Văn H đồng ý chịu ½ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Anh Lo Văn H đã nộp số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 6.400.000,đ, do đó buộc ông Vi Văn H phải hoàn trả cho anh Lo Văn Huyền ½ số tiền nêu trên.

[5] Về án phí: Ông Vi Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, 91, 92, 147, 156, 157, 158 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 163, 164, 579, 580 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26; Điểm b Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về quyền sở hữu tài sản của anh Lo Văn H đối với ông Vi Văn H.

Buộc ông Vi Văn H phải trả lại cho anh Lo Văn H 01 con bò đực có đặc điểm:

Giống bò cỏ địa phương. Thân thon vừa, hơi gầy. Mông hơi lép, hẹp, ngắn. Mũi đã bị đứt.

Lông màu đen sẫm pha vàng, thưa, ngắn, mượt; Trên đỉnh đầu phần giữa hai tai có dải lông màu vàng sẫm dài khoảng 21cm và giữa sống lưng có dải lông màu vàng sẫm dài khoảng 35cm. Hai nách trước lông màu vàng sẫm.

Có 07 xoáy gồm: 01 xoáy ở giữa trán, cách điểm giữa đỉnh đầu khoảng 05cm, cách đều mi mắt hai bên khoảng 09cm, cách đều hai bên góc sừng khoảng 08cm; 02 xoáy tai đối xứng nhau (mỗi xoáy trên góc tai phía trên), mỗi xoáy cách đều điểm giữa đỉnh đầu khoảng 06cm; 01 xoáy giữa sống lưng, cách đều hai bả vai chân trước khoảng 19 cm; 02 xoáy bụng phía trái - phải đối xứng nhau, mỗi xoáy cách đều rốn khoảng 12cm; 01 xoáy chính giữa ót, cách đều góc tai hai bên khoảng 09cm.

Hai sừng đều nhau, to, dài khoảng 05 cm, hơi chệch về phía sau.

Chiều cao phía trước tính từ chân đến đỉnh u khoảng 103 cm. Chiều cao phía sau tính từ chân đến đỉnh gốc đuôi khoảng 106cm.

Chiều dài tính từ đỉnh đầu đến gốc đuôi khoảng 130 cm.

Đuôi dài khoảng 80cm; Có nhiều lông đuôi, lông chùm màu đen, dài khoảng 25 cm.

Hai tai bằng nhau, dài khoảng 18 cm. Tai phải có 01 vết cắt sâu 02 cm, rộng 01cm (vết cắt đã lành).

Bò mới thay 02 răng cửa sữa đều nhau; Độ tuổi: khoảng 28 đến 32 tháng tuổi. Trị giá bò là 12.000.000,đ (mười hai triệu đồng).

Về nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Vi Văn H phải trả lại cho anh Lo Văn H số tiền chi phí xem xét thẩm định 3.200.000,đ (ba triệu hai trăm nghìn đồng).

Về án phí: Ông Vi Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng).

Trả lại cho anh Lo Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 325.000,đ (ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001803 ngày 04/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Hợp.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn, 04 người làm chứng. Vắng mặt 04 những người làm chứng. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND huyện Quỳnh Hợp;
- THADS huyện Quỳnh Hợp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trương Thị Thu Hà**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Chủ tọa phiên toà**

**Trương Thị Thu Hà**

*Mẫu số 52 (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP  
ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)*

**TÒA ÁN NHÂN DÂN.....<sup>(1)</sup>**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:<sup>(2)</sup> ...../...../.....

Ngày:<sup>(3)</sup> .....-.....-.....

V/v tranh chấp<sup>(4)</sup> .....

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN<sup>(5)</sup> .....**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:<sup>(6)</sup>**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông (Bà).....

*Thẩm phán:* Ông (Bà) .....

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông (Bà).....

2. Ông (Bà).....

3. Ông (Bà).....

- **Thư ký phiên tòa:** Ông (Bà).....<sup>(7)</sup>

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân**<sup>(8)</sup>..... *tham gia phiên tòa:*

Ông (Bà).....-Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm.....<sup>(9)</sup> tại .....

xét xử sơ thẩm công khai<sup>(10)</sup> vụ án thụ lý số:...../...../TLST-.....<sup>(11)</sup>

ngày..... tháng..... năm..... về tranh chấp.....<sup>(12)</sup>

theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:...../...../QĐXX-ST ngày.....

tháng..... năm..... giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:<sup>(13)</sup>.....

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:<sup>(14)</sup>.....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:<sup>(15)</sup>.....

2. Bị đơn:<sup>(16)</sup>.....

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:<sup>(17)</sup>.....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:<sup>(18)</sup>.....

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có yêu cầu độc lập, tham gia tố tụng với

bên nguyên đơn hoặc tham gia tố tụng với bên bị đơn):<sup>(19)</sup>.....

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:<sup>(20)</sup>.....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan:<sup>(21)</sup>.....

4. Người làm chứng<sup>(22)</sup>.....

5. Người giám định:<sup>(23)</sup>.....

6. Người phiên dịch:<sup>(24)</sup>.....

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**<sup>(25)</sup>

.....  
.....  
.....

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**<sup>(26)</sup>

[1].....

[2].....

[3].....

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào.....<sup>(27)</sup>.....

<sup>(28)</sup>.....

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:**

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

- (1) Nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).
- (2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: “Số:100/2017/DS-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: “Số:108/2017/HNGĐ-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: “Số:110/2017/KDTM-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: “Số:115/2017/LĐ-ST”).
- (3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.
- (4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).
- (5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).
- (6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, bỏ dòng “Thẩm phán...”, đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.
- (7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).
- (8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ “Tòa án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân”.
- (9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi “Trong các ngày” (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi: “Từ ngày đến ngày” (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ

ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liên nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ “công khai” bằng từ “kín”.

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu,

đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [ ].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

**Nơi nhận:**

*Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**  
*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*



**TOÀ ÁN NHÂN DÂN.....<sup>(1)</sup>**      **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN**  
**PHIÊN TOÀ SƠ THẨM**

Vào hồi... giờ...phút, ngày... tháng...năm.....

Tại:<sup>(2)</sup> .....

Toà án nhân dân .....

Mở phiên toà để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số.../.../TLST-....

ngày.....tháng.....năm.....về việc<sup>(3)</sup> .....

vụ án được xét xử<sup>(4)</sup> .....

**I. Những người tham gia tố tụng:**

- Nguyên đơn:<sup>(5)</sup> .....

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:<sup>(6)</sup> .....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:<sup>(7)</sup> .....

- Bị đơn:<sup>(8)</sup> .....

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:<sup>(9)</sup> .....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:<sup>(10)</sup> .....

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:<sup>(11)</sup> .....

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:<sup>(12)</sup> .....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:<sup>(13)</sup> .....

- Người làm chứng:<sup>(14)</sup> .....

- Người phiên dịch:<sup>(15)</sup> .....

- Người giám định:<sup>(16)</sup> .....

**II. Những người tiến hành tố tụng:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông (Bà) .....

Thẩm phán (nếu có): Ông (Bà) .....

Các Hội thẩm nhân dân:<sup>(17)</sup> .....

1. Ông (Bà): .....

2. Ông (Bà): .....

3. Ông (Bà): .....

Thư ký phiên tòa: Ông (Bà).....<sup>(18)</sup> .....

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: <sup>(19)</sup> ..... tham gia phiên tòa  
(nếu có).

Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

### **III. Phần thủ tục bắt đầu phiên tòa:**

- Chủ tọa phiên tòa tuyên bố khai mạc phiên tòa và đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Thư ký phiên tòa báo cáo với Hội đồng xét xử về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án và lý do vắng mặt.<sup>(20)</sup>

- Chủ tọa phiên tòa kiểm tra lại sự có mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án và kiểm tra căn cước của đương sự; phổ biến quyền, nghĩa vụ của các đương sự và của những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

- Chủ tọa phiên tòa giới thiệu họ, tên những người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch.

- Chủ tọa phiên tòa hỏi những người có quyền yêu cầu thay đổi những người tiến hành tố tụng xem họ có đề nghị thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên (nếu có), Thư ký phiên tòa, người giám định, người phiên dịch hay không.<sup>(21)</sup>

- Yêu cầu người làm chứng cam kết khai báo đúng sự thật, nếu khai không đúng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trừ trường hợp người làm chứng là người chưa thành niên.

- Yêu cầu người giám định, người phiên dịch cam kết cung cấp kết quả giám định chính xác, phiên dịch đúng nội dung cần phiên dịch.

### **IV. Phần tranh tụng tại phiên tòa:**

**1. Trình bày của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự:**<sup>(22)</sup>

.....  
.....

**2. Hỏi và trả lời tại phiên tòa:**<sup>(23)</sup>

.....  
.....

### 3. Tranh luận tại phiên tòa:<sup>(24)</sup>

#### Hội đồng xét xử vào phòng nghị án để nghị án.

Hội đồng xét xử vào phòng xử án và tuyên án<sup>(25)</sup>

Những sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng:<sup>(26)</sup>

Phiên tòa kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm .....

**THƯ KÝ PHIÊN TÒA**

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

#### **Hướng dẫn sử dụng mẫu số 48-DS:**

- (1) Nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thì ghi Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh T); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố H).
- (2) Ghi địa điểm nơi tiến hành phiên tòa (ví dụ: Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh N; hoặc: Tại Hội trường Ủy ban nhân dân huyện S, thành phố H).
- (3) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).
- (4) Ghi vụ án được xét xử công khai hay xử kín.
- (5) Nếu nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên và địa chỉ của cá nhân đó. Nếu nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn khởi kiện). Nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.
- (6) Ghi họ tên và địa chỉ của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn. Nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.
- (7) Ghi họ tên và địa chỉ của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; nếu là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H); nếu không phải là luật sư thì ghi

- nghề nghiệp, nơi công tác của người đó. Nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào. Nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.
- (8) và (11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (5).
- (9) và (12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (6).
- (10) và (13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (7).
- (14) Ghi họ tên và địa chỉ của người làm chứng. Nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.
- (15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch. Nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú. Nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.
- (16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định. Nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú. Nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.
- (17) Ghi lần lượt họ tên, nơi công tác của các Hội thẩm nhân dân.
- (18) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).
- (19) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ “Tòa án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân” và ghi họ tên của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa (nếu có).
- (20) Cần ghi rõ trường hợp khi có người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa (mà không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa), thì Chủ tọa phiên tòa phải hỏi xem có ai đề nghị hoãn phiên tòa hay không; nếu có người đề nghị thì Hội đồng xét xử xem xét, quyết định chấp nhận hoặc không chấp nhận, nếu không chấp nhận thì nêu rõ lý do và ghi quyết định của Hội đồng xét xử.
- (21) Nếu những người có quyền yêu cầu thay đổi những người tiến hành tố tụng có đề nghị hoặc yêu cầu thay đổi những người tiến hành tố tụng thì ghi đề nghị hoặc yêu cầu của họ và ghi quyết định của Hội đồng xét xử.
- (22) Ghi trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự về các vấn đề quy định tại Điều 248 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- (23) Ghi các câu hỏi và trả lời của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.
- (24) Ghi tóm tắt các ý kiến phát biểu và đối đáp của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, ý kiến của Viện kiểm sát (nếu có).
- (25) Nếu sau khi nghị án, Hội đồng xét xử tuyên án thì tiếp đó ghi: “Hội đồng xét xử tuyên án theo bản án đã được Hội đồng xét xử thông qua tại phòng nghị án” (Không phải ghi phần quyết định của bản án). Nếu Hội đồng xét xử có quyết định khác thì ghi quyết định của Hội đồng xét xử (ví dụ: Quyết định trở lại việc hỏi và tranh luận).
- (26) Ghi những sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng: những vấn đề được ghi trong biên bản phiên tòa có yêu cầu sửa đổi, bổ sung và những sửa đổi, bổ sung cụ thể. Nếu có nhiều người yêu cầu sửa đổi, bổ sung thì ghi thứ tự từng người một. Sau đó,

người có yêu cầu sửa đổi, bổ sung phải ký xác nhận.

**Cần chú ý:** Nếu phiên tòa diễn ra trong nhiều ngày, thì khi kết thúc mỗi ngày cần ghi: “Hội đồng xét xử tạm nghỉ” và khi tiếp tục phiên tòa cần ghi: “Ngày... tháng... năm... Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa”.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh Hợp;
- THA huyện Quỳnh Hợp;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

